

2. Bộ Công nghiệp có trách nhiệm kiểm tra và chỉ đạo các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá thực hiện đúng các quy định về dán tem, chỉ đạo việc sắp xếp các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá theo đúng Chỉ thị số 13/1999/CT-TTg ngày 12/5/1999 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Bộ Thương mại có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan quản lý thị trường tổ chức kiểm tra phát hiện và xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc lá bao trong nước không dán tem theo quy định.

4. Các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá có trách nhiệm thực hiện việc dán tem theo quy định tại Thông tư này, tự mua sắm và lắp đặt máy móc thiết bị dán tem phù hợp với vị trí dán tem theo quy định của Thông tư và quy cách tem đã được phát hành, quản lý và sử dụng tem thuốc lá theo đúng quy định.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các ngành chức năng kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định về dán tem thuốc lá bao sản xuất trong nước.

6. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, báo cáo kịp thời về Bộ Tài chính, Bộ Thương mại và Bộ Công nghiệp để nghiên cứu giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thứ trưởng

HỒ HUẤN NGHIÊM

KT. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp
Thứ trưởng

LÊ HUY CÔN

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

QUYẾT ĐỊNH số 725/1999/QĐ-BLĐTBXH
ngày 30/6/1999 về việc ban hành Quy
chế quy định tạm thời một số biện
pháp phòng ngừa và xử lý các vi
phạm trong lĩnh vực đưa lao động
đi làm việc ở nước ngoài.

BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 96/CP ngày 07/12/1993 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 07/CP ngày 20/1/1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Lao động về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý lao động với nước ngoài,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quy định tạm thời một số biện pháp phòng ngừa và xử lý các vi phạm trong lĩnh vực đưa lao động và chuyên gia đi làm việc ở nước ngoài.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng

Cục Quản lý lao động với nước ngoài, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc các doanh nghiệp đưa lao động và chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

NGUYỄN THỊ HẰNG

QUY CHẾ quy định tạm thời về một số biện pháp phòng ngừa và xử lý các vi phạm trong lĩnh vực đưa lao động và chuyên gia đi làm việc ở nước ngoài

(ban hành kèm theo Quyết định số 725/1999/QĐ-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Nhằm tăng cường công tác quản lý, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động, của doanh nghiệp đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài (sau đây gọi là doanh nghiệp và của người lao động) bảo đảm uy tín của lao động Việt Nam trên thị trường quốc tế. Sau khi tham khảo ý kiến của các Bộ, Ngành liên quan và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy chế quy định tạm thời một số biện pháp phòng ngừa và xử lý các vi phạm trong lĩnh vực đưa lao động và chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài như sau:

Chương I

TUYỂN CHỌN, ĐÀO TẠO GIÁO DỤC, QUẢN LÝ LAO ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH

Điều 1. Công tác tuyển chọn và đào tạo, giáo

dục định hướng cho người lao động (kể cả lao động làm việc ở nước ngoài theo hình thức tu nghiệp sinh) và chuyên gia trước khi đi:

1. Khi tuyển chọn, doanh nghiệp phải công khai về số lượng, tiêu chuẩn, giới tính, tuổi đời, thời gian tuyển, công việc mà người lao động sẽ đảm nhiệm, nơi làm việc, thời hạn hợp đồng, điều kiện làm việc và sinh hoạt, tiền lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và nghĩa vụ của người lao động. Doanh nghiệp thực hiện tuyển chọn trực tiếp đúng số lượng, chất lượng lao động, có tư cách đạo đức và sức khỏe tốt theo hợp đồng cung ứng lao động đã ký kết.

2. Doanh nghiệp phối hợp với tổ chức tiếp nhận để tổ chức đào tạo, giáo dục định hướng theo chương trình thống nhất do Cục Quản lý lao động với nước ngoài thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về nội dung và thời gian (ít nhất một tháng), riêng chuyên gia, tổ chức đào tạo theo chương trình quy định của Bộ chủ quản. Quá trình đào tạo, giáo dục định hướng đối với người lao động và chuyên gia phải được tổ chức chặt chẽ; kết thúc khóa học phải tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập và ý thức chấp hành nội quy của học viên. Không được đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài khi chưa đào tạo, giáo dục định hướng hoặc học không đạt kết quả.

Điều 2. Doanh nghiệp phải ký hợp đồng đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài với người lao động, đối với chuyên gia theo mẫu quy định của Bộ chủ quản, trong đó ghi rõ trách nhiệm của doanh nghiệp, của người lao động và chuyên gia trong việc thực hiện hợp đồng đã ký và trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi một trong hai bên vi phạm hợp đồng.

Điều 3. Chế độ tài chính:

Doanh nghiệp phải công khai trên báo và tại văn phòng doanh nghiệp các khoản tiền người lao động và chuyên gia phải nộp; thực hiện thu trực tiếp từ người lao động và chuyên gia, không thu qua tổ chức kinh tế, cá nhân trung gian.

Điều 4. Công tác quản lý lao động ở nước ngoài:

1. Doanh nghiệp phải phối hợp chặt chẽ với tổ chức tiếp nhận người lao động trong việc quản lý, giáo dục người lao động, xử lý những phát sinh về quan hệ lao động ở nước ngoài.

2. Nếu có số lượng từ 500 lao động hoặc dưới 500 lao động nhưng ở địa bàn mới, phức tạp thì doanh nghiệp phải cử cán bộ quản lý lao động.

3. Cán bộ doanh nghiệp đi quản lý lao động ở nước ngoài phải có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ đáp ứng nhiệm vụ được giao và có trách nhiệm: theo dõi, giám sát việc thực hiện hợp đồng đã ký; xử lý tranh chấp lao động và những vấn đề phát sinh liên quan đến người lao động cho đến khi hoàn thành hợp đồng và đưa người lao động và chuyên gia về nước.

4. Doanh nghiệp phải thông báo cán bộ được cử đi quản lý cho Cục Quản lý lao động với nước ngoài thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước nhận lao động. Cán bộ quản lý lao động ở nước ngoài chịu sự chỉ đạo quản lý nhà nước của cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước sở tại.

5. Những vấn đề phát sinh của người lao động và chuyên gia ở nước ngoài vượt quá phạm vi thẩm quyền thì doanh nghiệp phải báo cáo ngay với cơ quan chủ quản bằng văn bản để xin ý kiến chỉ đạo; đồng thời phải báo cáo bằng văn bản với cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước sở tại và Cục Quản lý lao động với nước ngoài thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương II**TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP, CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CHUYÊN GIA VÀ CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN****Điều 5. Trách nhiệm của doanh nghiệp:**

1. Thực hiện đúng hợp đồng đã ký với tổ chức tiếp nhận lao động và chuyên gia; giải thích rõ các điều khoản trong hợp đồng ký với tổ chức tiếp nhận có liên quan đến người lao động và chuyên gia.

2. Làm tốt công tác thông tin 2 chiều giữa các doanh nghiệp và cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài về thị trường lao động và tình hình làm việc, sinh sống của người lao động.

3. Doanh nghiệp phải thực hiện đúng trách nhiệm về quản lý theo quy định; phải lập sổ theo dõi lao động và chuyên gia đi làm việc ở nước ngoài. Trường hợp người lao động và chuyên gia bỏ hợp đồng thì doanh nghiệp vẫn có trách nhiệm giải quyết mọi phát sinh liên quan cho đến khi người lao động và chuyên gia về nước và được khấu trừ các khoản tiền đã chi để giải quyết hậu quả do người lao động và chuyên gia vi phạm.

Điều 6. Trách nhiệm của người lao động và chuyên gia:

1. Trước khi đi làm việc ở nước ngoài phải qua khóa đào tạo, giáo dục định hướng và đạt kết quả kiểm tra cuối khóa học.

2. Chấp hành pháp luật, quy chế và nội quy của cơ quan, tổ chức tiếp nhận hoặc của doanh nghiệp nước ngoài đã ký trong hợp đồng.

3. Không được tham gia các hoạt động, hội họp hoặc đình công bất hợp pháp.

4. Ký và thực hiện đầy đủ hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp Việt Nam và hợp đồng lao động với chủ sử dụng lao động và chuyên gia, làm việc đúng nơi quy định được ký trong hợp đồng. Cấm tự ý bỏ đi làm việc ở nơi khác. Khi hết hạn hợp đồng nếu muốn gia hạn thì phải được sự đồng ý của doanh nghiệp cử đi và tổ chức tiếp nhận, nếu không được gia hạn tiếp thì phải về nước.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản:

Chỉ đạo các doanh nghiệp tổ chức quản lý từ khâu tuyển chọn, đào tạo, giáo dục định hướng, thu chi tài chính theo quy định; ký kết hợp đồng

và quản lý người lao động và chuyên gia ở nước ngoài; giải quyết các vấn đề phát sinh. Những vụ việc phức tạp phải phối hợp với Cục Quản lý lao động với nước ngoài thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan chức năng khác giải quyết, không để kéo dài, gây hậu quả.

Chương III

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 8. Đối với doanh nghiệp:

1. Các hành vi vi phạm:

- Hợp đồng ký kết không đủ, không đúng nội dung theo quy định, không đăng ký thực hiện hợp đồng mà đã tổ chức tuyển chọn lao động; tuyển chọn qua trung gian; không công khai số lượng, tiêu chuẩn, giới tính, tuổi đời, nghề, tiền lương và nghĩa vụ của người lao động và chuyên gia.

- Đưa người lao động chưa qua đào tạo theo quy định của Cục Quản lý lao động với nước ngoài và người chuyên gia chưa qua đào tạo theo quy định của Bộ chủ quản đi làm việc ở nước ngoài.

- Trước khi đưa đi, không ký hoặc ký không đúng nội dung hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài với người lao động.

- Thu tiền không đúng quy định, thu tiền thông qua trung gian.

- Để người lao động và chuyên gia tự ý bỏ đi làm việc nơi khác từ 5% trở lên so với tổng số lao động đưa đi theo từng hợp đồng.

- Để xảy ra tranh chấp mà xử lý không kịp thời, gây hậu quả xấu.

2. Các hình thức xử lý vi phạm:

Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, doanh nghiệp sẽ bị xử lý như sau:

- Cảnh cáo và thông báo chung;

- Đình chỉ việc đưa người lao động và chuyên gia đi làm việc ở nước ngoài trong thời gian một năm kể từ ngày có quyết định;

- Thu hồi giấy phép hoạt động.

Điều 9. Đối với người lao động và chuyên gia:

1. Các hành vi vi phạm:

- Vi phạm hợp đồng đã ký kết với doanh nghiệp Việt Nam và cơ quan, tổ chức tiếp nhận hoặc chủ sử dụng lao động và chuyên gia;

- Đình công trái pháp luật nước sở tại;

- Tổ chức, lôi kéo, đe dọa buộc người khác vi phạm hợp đồng hoặc tham gia đình công trái pháp luật.

2. Các hình thức xử lý vi phạm:

Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý như sau:

- Buộc về nước chịu toàn bộ chi phí và không được hoàn trả tiền đặt cọc. Doanh nghiệp thông báo cho địa phương và gia đình người lao động và chuyên gia biết.

- Nếu gây thiệt hại cho doanh nghiệp thì phải bồi thường theo pháp luật;

- Không được tái tuyển đi làm việc ở nước ngoài;

- Kết thúc hợp đồng không về nước thì không được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo doanh nghiệp trực thuộc thực hiện Quy chế này.

Điều 11. Các doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện và phổ biến Quy chế này đến người lao động trước khi đưa họ ra nước ngoài làm việc.

Điều 12. Cục Quản lý lao động với nước ngoài thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này. Nếu phát hiện có vi phạm Quy chế phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo các cơ quan có trách nhiệm xử lý./.

Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

NGUYỄN THỊ HẰNG

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 128/1999/TT-BTC ngày 26/10/1999 hướng dẫn nội dung và mức chi của Chương trình Quốc gia phòng chống HIV/AIDS.

Căn cứ Nghị định số 34/CP ngày 01/6/1996 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Phòng chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng mắc phải ở người (HIV/AIDS);

Căn cứ Quyết định số 531/TTg ngày 08/8/1996 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý các chương trình Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 05/1998/QĐ-TTg ngày 14/1/1998 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia;

Sau khi thống nhất với Ủy ban Quốc gia phòng chống AIDS (Công văn số 780/UB ngày 11 tháng 10 năm 1999), Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung chi và mức chi của Chương trình Quốc gia phòng chống HIV/AIDS như sau:

1. Kinh phí chi tiêu cho Chương trình Quốc gia phòng chống nhiễm HIV/AIDS được hình thành từ các nguồn: Nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả

vốn viện trợ nước ngoài), nguồn vốn huy động đóng góp của dân và các tổ chức kinh tế theo quy định của Nhà nước. Các nguồn kinh phí này được quản lý theo Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

2. Nội dung và mức chi:

- Chi mua sắm trang thiết bị, thuốc, hóa chất, sinh phẩm phục vụ cho công tác chuyên môn.

- Chi cho công tác thông tin, truyền thông, giáo dục, chi in ấn, ấn phẩm truyền thông, tài liệu và các biểu mẫu phục vụ cho Chương trình. Hỗ trợ cho phát thanh, truyền hình, báo chí, chiến dịch truyền thông phòng chống AIDS ở trung ương và địa phương.

- Chi cho đội làm công tác giáo dục đồng đẳng của tỉnh để can thiệp giảm tác hại (chi cho nhóm những người bị nhiễm HIV/AIDS để họ tự giúp đỡ lẫn nhau, trao đổi kinh nghiệm phòng, chống lây nhiễm cho những người khác), mỗi tỉnh có một đội giáo dục đồng đẳng, được hưởng 01 định suất, mỗi định suất được chi 80.000 đồng/tháng/tỉnh.

- Chi đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo khoa học nghiên cứu tác nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ phòng chống AIDS.

- Chi vốn đối ứng tiếp nhận vốn vay và viện trợ của các dự án đã được Chính phủ Việt Nam phê duyệt (nếu có): Chi phí tiếp nhận, phân phối, vận chuyển thuốc, hóa chất, trang thiết bị, tiền thuê nhà, lương hợp đồng cán bộ dự án.

- Chi tổ chức đánh giá định kỳ việc thực hiện mục tiêu chương trình theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Chi khen thưởng theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia phòng chống AIDS. Mức khen thưởng áp dụng theo Thông tư số 24/1999/TT-BTC ngày 04/3/1999 và Thông tư số 70/1999/TT-BTC ngày 10/6/1999 hướng dẫn công tác quản lý tài chính thực hiện chế độ khen thưởng thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

- Chi thù lao cho cán bộ chuyên trách phòng